TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số 106/2019/DSPT
Ngày 28 - 10 - 2019

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

.....

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Sử

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu

Bà Vũ Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân* tỉnh *Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm sự số 21/201/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện XM bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2019/QĐPT-DS ngày 01tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Hữu H, sinh năm 1961 (có mặt)

Bà Đặng Thị M, sinh năm: 1961 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp Nhân Trí, xã Xuyên Mộc, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 20/6A đường 19 phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Trình Minh C, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Phước T, thị trấn Phước Bửu, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trình Minh L, sinh năm: 1954 (có mặt)

Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1963 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 112/3 đường Huỳnh Minh TH, tổ 10, khu phố Phước An, thị trấn Phước Bửu, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, ông Đặng Hữu H, bà Đặng Thị M trình bày.

Năm 2013 vợ chồng anh Trình Minh C và chị Lê Thị Mỹ L vay của vợ chồng ông, bà số tiền 400.000.000đ, khi vay anh C và chị L có làm giấy vay nợ, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, không thế chấp tài sản, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Đến năm 2014 vợ chồng chị L, anh C đã trả cho ông, bà 100.000.000đ tiền gốc và lãi. Khi trả tiền hai bên không làm giấy tờ, không ai chứng kiến, còn lại số tiền gốc là 300.000.000đ chị L, anh C không trả nợ tiếp cho ông bà, nên năm 2015 ông bà yêu cầu cả 2 vợ chồng chị L, anh C cùng ký tên vào giấy vay nợ cho ông bà. Đến năm 2017 chị L, anh C cũng không trả nợ, nên ông, bà đã khởi kiện anh C, chị L tại Tòa án nhân dân huyện XM. Nhưng sau đó ông, bà liên L với ông Trình Minh L và bà Huỳnh Thị T là cha mẹ ruột của anh C để trao đổi về khoản nợ của anh C, chị L thì được ông L, bà T động viên rút đơn về. Sau đó ông, bà rút đơn khởi kiện đối với anh C, chị L tại Tòa án. Ngày 01/8/2017 ông L, bà T cam kết sẽ trả nợ thay cho anh C, chị L và ông L, bà T viết giấy nhận nợ với nội dung bảo lãnh trả nợ cho vợ chồng anh C với số tiền 300.000.000đ, hai bên cũng không thế chấp tài sản và hẹn thời hạn trả nợ vào cuối tháng 12/2017(âm lịch). Khi viết giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 ông L, bà T hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được ông, bà đồng ý. Ông L, bà T thỏa thuận mỗi tháng trả dần cho vợ chồng ông, bà 10.000.000 đồng và ngày 17/11/2018 ông L, bà T đã trả được 10.000.000 đồng, khi trả tiền hai bên cũng không làm giấy tờ, không ai chứng kiến nhưng sau đó ông L, bà T tự ý thay đổi ý kiến chỉ trả cho ông, bà 5.000.000 đồng/tháng nên ông, bà không đồng ý. Số tiền 290.000.000 đồng còn lại cho đến nay ông L, bà T, anh C, chị L vẫn không thanh toán cho vợ chồng ông, bà.

Khi ông L, bà T viết giấy nhận nợ, bảo lãnh trả nợ cho vợ chồng anh C, không có mặt anh C, chị L.

Do đến thời hạn trả nợ nhưng anh C, chị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông, bà, còn ông L, bà T đã bảo lãnh trả nợ thay cho anh C, chị L đồng thời cam kết với ông, bà sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu không trả nợ, nhưng vẫn không trả nợ cho ông, bà. Nay ông, bà yêu cầu vợ chồng anh C, chị L và vợ chồng ông L, bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 290.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 01/02/2018 đến ngày 17/11/2018 và số tiền 290.000.000 đồng từ ngày 18/11/2018 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trình Minh C, chị Lê Thị Mỹ L trình bày:

Năm 2013 vợ chồng anh, chị có vay của ông Đặng Hữu H và bà Đặng Thị M số tiền 400.000.000đ, khi vay có làm giấy vay nợ, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, không thế chấp tài sản, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Đến năm 2014 vợ chồng anh, chị đã trả cho bà M, ông H 100.000.000đ tiền gốc và 50.000.000đ tiền lãi. Khi trả tiền gốc và lãi hai bên không làm giấy tờ, không ai chứng kiến nên không có chứng cứ nộp cho Tòa án. Còn lại số tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi từ năm 2015 đến nay anh, chị không có khả năng trả nợ

cho ông H, bà M nên năm 2015 ông H, bà M yêu cầu cả 2 vợ chồng anh, chị cùng ký vào giấy vay nợ cho ông H, bà M, giấy vay nợ này do ông H, bà M đang lưu giữ. Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 ông Trình Minh L và bà Huỳnh Thị T là cha mẹ anh đứng ra nhận nợ thay cho vợ chồng anh C với số tiền 300.000.000 đồng của ông H, bà M và cam kết trả nợ cho ông H, bà M, thời gian trả nợ vào tháng 12/2017 âm lịch, nếu ông L, bà T không trả cho ông H, bà M thì ông L, bà T sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và ngày 17/11/2018 ông L, bà T đã trả nợ thay cho anh C, chị L được 10.000.000 đồng thì anh, chị không đồng ý và có ý kiến, đối với số tiền 300.000.000 đồng là khoản nợ của vợ chồng anh, chị với ông H, bà M không liên quan đến cha mẹ là ông L, bà T và khi viết giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 ông H, bà M đã ép buộc ông L, bà T viết trong khi không có mặt anh, chị. Do vậy, anh, chị không đồng ý với giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 của ông L, bà T mà anh, chị sẽ là người trực tiếp trả nợ cho ông H, bà M cả gốc và lãi.

Đồng thời anh, chị yêu cầu Tòa án làm rõ giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 của ông L, bà T đối với ông H, bà M trả nợ thay cho vợ chồng anh, chị vì theo giấy nhận nợ này chưa có sự đồng ý của vợ chồng anh, chị chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho ông L, bà T để trả nợ thay, việc ông L, bà T làm giấy nhận nợ này anh, chị hoàn toàn không biết, anh, chị không đồng ý chuyển giao nợ cho ông L, bà T mà anh, chị là người vay nợ của ông H, bà M thì anh, chị là người trả nợ. Bà M, ông H yêu cầu anh, chị và ông L, bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể: số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 01/02/2018 đến ngày 17/11/2018 và số tiền lãi của số tiền 290.000.000 đồng từ ngày 18/11/2018 đến nay thì anh, chị không đồng ý cùng ông L, bà T trả nợ cho ông H, bà M mà anh, chị là người sẽ trả số tiền toàn bộ số tiền gốc và lãi trên cho ông H, bà M.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà và ông L không vay tiền của ông H, bà M, vào ngày 01/8/2017 bà M, ông H có đến gặp vợ chồng bà, ép buộc bà và ông L trả nợ thay cho vợ chồng con trai là Trình Minh C và Lê Thị Mỹ L số tiền 300.000.000 đồng, do trước đây vợ chồng C, L có vay của ông H, bà M nhưng không có tiền trả nợ. Bà khẳng định chữ viết trong giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 do ông L viết, bà và ông L cùng ký tên. Theo giấy nhận nợ này, ông H, bà M cho bà T, ông L trả nợ dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, khoảng đầu năm 2018 bà và ông L đã trả cho ông H, bà M được 10.000.000 đồng nhưng sau đó ông H, bà M không đồng ý cho bà và ông L trả dần nữa nên bà và ông L không trả nợ cho bà M, ông H. Khi viết giấy nhận nợ thay cho anh C, chị L thì bà và ông L không hỏi ý kiến của anh C, chị L. Bà và ông L viết giấy nhận nợ này mục đích cam kết, đảm bảo cho ông H, bà M việc vợ chồng anh C, chị L sẽ trả nợ cho ông H, bà M. Nay ông H, bà M yêu cầu vợ chồng bà và ông L có nghĩa vụ trả số tiền là 290.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền 300.000.000 đồng từ tháng 02/2018 đến tháng 11/2018 và số tiền 290.000.000 đồng từ tháng 12/2018 đến nay, bà không đồng ý vì bà và ông L bệnh tật, không còn sức lao động, hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả tiền cho ông H, bà M mà vợ chồng anh C, chị L mới là người có nghĩa vụ trả nợ cho ông H, bà M .

Đối với bị đơn ông Trình Minh L, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng để ông L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự; đã tiến hành tống đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên toà nhưng ông Trình Minh L đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án trên vắng mặt ông L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện XM đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Hữu H, bà Đặng Thị M.

Buộc ông Trình Minh C, bà Lê Thị Mỹ L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trình Minh L, bà Huỳnh Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn ông Đặng Hữu H, bà Đặng Thị M số tiền 332.551.800đ trong đó 290.000.000đ tiền gốc và 42.551.800đ tiền lãi.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và chi phí tố tụng khác.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm:

Ông Trình Minh L bà Huỳnh Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm phần về nhĩa vụ liên đới của vợ chồng ông L bà T. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng nghị một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm áp dụng mức lãi suất 20%/ năm thay vì áp dụng theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (10%/năm) và xác định lại trách nhiệm trả nợ thuộc về vợ chồng ông Trình Minh C bà Lê Thị Mỹ L, người liên quan là vợ chồng ông L, bà T. Ông L, bà T không có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông H, bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông L, bà T thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc vợ chồng ông L, bà T phải liên đới trả nợ cho ông H, bà M. Người bảo vệ quyền lợi cho ông L bà T cho rằng: Việc anh C chị L vay tiền và còn nợ ông H bà M 300.000.000đ là đúng. Tuy nhiên ông H, bà M đã ép buộc ông L, bà T viết giấy nhận nợ, theo nội dung giấy nhận nợ ông L, bà T chỉ xác nhận việc anh C, chị L còn nợ của ông H bà M, không có nội dung nhận trả nợ thay cho anh C, chị L. Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 do bị ép buộc, không thể hiện đúng ý chí của ông L bà T nên không có giá trị. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông L bà T không phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông H, bà M.

Anh C, chị L cho rằng Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 của ông L, bà T chưa được sự đồng ý của vợ chồng anh, chị, vợ chồng anh, chị vay tiền của ông H, bà M, nay chưa có khả năng trả nhưng vợ chồng anh,chị sẽ trả nợ khi nào có tiền. Bố mẹ anh, chị đã già và đang bị bệnh nên anh không đồng ý bắt bố mẹ phải trả.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán tuân thủ đúng quy định tố tụng và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng như

các đương sự đã tuân theo đúng quy định pháp luật, không vi phạm về thủ tục tố tụng dân sự, kháng cáo đúng quy định, trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm

Về nội dung: Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 của vợ chồng ông L, bà T với vợ chồng ông H, bà M không có nội dung nào về việc ông L, bà T trả nợ thay cho anh C, chị L, nếu anh C, chị L không trả nợ, do vậy, giấy này không đủ điều kiện như là việc bảo lãnh theo quy định của pháp luật. Đối với lãi suất, Bản án sơ thẩm áp dụng không đúng, tuy nhiên ông H bà M không yêu cầu tính lại, nên Đại diện Viện kiểm sát rút nội dụng kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc vợ chồng ông L bà T là người có nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng ông H, bà M.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Vợ chồng ông Đặng Hữu H và bà Đặng Thị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Trình Minh C, chị Lê Thị Mỹ L và vợ chồng ông Trình Minh L, bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 290.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 01/02/2018 đến ngày 17/11/2018 và số tiền 290.000.000 đồng từ ngày 18/11/2018 đến nay. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng pháp luật. Ông L, bà T kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng nghị đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông L, bà T về nghĩa vụ liên đới trả nợ của ông L, bà T thì thấy:

Theo như các bên trình bày, năm 2013 vợ chồng anh Trình Minh C và chị Lê Thị Mỹ L là con trai và con dâu ông L, bà T có vay của vợ chồng ông Đặng Hữu H, bà Đặng Thị M 400.000.000đ, năm 2014 vợ chồng anh C, chị L trả 100.000.000đ gốc và số lãi, còn lại 300.000.000đ tiền gốc. Do không còn khả năng trả nợ, nên đến ngày 01/8/2017, vợ chồng ông L, bà T là cha mẹ anh C, chị L nhận trả nợ thay cho con là Trình Minh C ký "Giấy nhận nợ" (bút lục số 23 hs). Hiện nay các bên không tranh chấp về số tiền phải trả (gốc và lãi), thời gian trả, mà chỉ tranh chấp về việc ai là người có nghĩa vụ phải trả. Theo nội dung trong Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 thực chất là việc vợ chồng ông L, bà C cam kết với ông H, bà M sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng anh C và thực tế vợ chồng ông ông L, bà T đã trả cho ông H, bà M 10.000.000đ. Cấp sơ thẩm xác định cam kết này là quan hệ bảo lãnh giữa các bên là có cơ sở. Theo thỏa thuận trong Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 vợ chồng ông L, bà T nhận trả nợ thay cho anh C 300.000.000đ cho vợ chồng ông H, bà M, thời gian trả nợ là cuối tháng 12 năm 2017, đến ngày 17/11/2017 ông L bà M mới chỉ trả được 10.000.000đ. Lẽ ra đến hạn trả nợ, vợ chồng anh C không trả thì vợ chồng ông L, bà T phải thực hiện nghĩa vụ thay vợ chồng anh C trả nợ cho ông H, bà M, do

vậy ông H, bà M yêu cầu vợ chồng ông L, bà T liên đới trả nợ là có cơ sở. Cấp sơ thẩm buộc vợ chồng C, chị L và vợ chồng ông L, bà T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng ông H, bà M là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông L, bà T kháng cáo cho rằng, cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 của vợ chồng ông L, bà T để buộc vợ chồng ông L, bà T liên đới trả nợ cho ông H, bà M là nhận định không đúng về bản chất giấy nhận nợ giữa vợ chồng ông, bà với vợ chồng ông H, bà M. Người bảo vệ quyền lợi của ông L, bà M cho rằng giấy nhận nợ này do vợ chồng ông H, bà M ép buộc vợ chồng ông L, bà T không đúng ý chí của họ. Nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần nghĩa vụ liên đới trả nợ của vợ chồng ông L, bà T đối với khoản vay của anh C, chị L. Hội đồng xét xử xét thấy lý do kháng cáo của ông L, bà T là không có căn cứ. Ông L, bà T và người bảo vệ quyền lợi của ông L, bà T cho rằng, họ bị ông H, bà M ép buộc, nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ bị ép buộc, nên không được chấp nhận.

[2.2]Về Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên Tòa, đại diện Viên kiểm sát rút nội dung kháng nghị về áp dụng mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 của Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và lãi, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho rằng, Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 của ông L, bà T không có nội dung thể hiện ông L, bà T cam kết với ông H, bà M sẽ trả nợ thay cho anh C, chị L nếu đến thời hạn thực hiện việc trả tiền mà anh C chị L không trả hoặc trả tiền không đúng nghĩa vụ, các bên đều thừa nhận tại thời điểm viết giấy nhận nợ anh C, chị L không có mặt và cũng không đồng ý cho ông L, bà T trả nợ thay. Hội đồng xét xử thấy rằng, Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 là cam kết của vợ chồng ông L, bà T trả nợ thay cho vợ chồng anh C 300.000.000đ đối với khoản vay của vợ chồng ông H, bà M, khoản vay này không có thời hạn, nên ông H, bà M có quyền yêu cầu trả nợ bất cứ khi nào, miễn là phải thông báo cho bên có nghĩa vụ biết trước một thời gian hợp lý. Đây thực chất là quan hệ bảo lãnh. Theo quy định bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bản lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Do vậy, khi đến hạn trả nợ mà vợ chồng anh C, chị L không thực hiện nghĩa vụ thì ông H, bà M có quyền yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả nợ. Về việc khi vợ chồng ông L, bà T viết giấy nhận nợ với vợ chồng ông H, bà M không có mặt và không được sự đồng ý của vợ chồng anh C, chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng, thực chất khoản vay của vợ chồng anh C, chị L với vợ chông ông H, bà M là đúng và ông L, bà T cũng biết vợ chồng anh C, chị L vay vợ chồng ông H, bà M 300.000.000đ, các bên cũng không tranh chấp khoản vay này. Việc không có mặt vợ chồng anh C, chị L và chưa được sự đồng ý của họ không ảnh hưởng đến ý chí của vợ chồng ông L, bà T khi viết giấy nhận nợ với vợ chồng ông H, bà M. Việc không có mặt vợ chồng anh C, chị L chỉ có ý nghĩa trong quan hệ tranh chấp giữa vợ chồng ông L, bà T khi yêu cầu vợ chồng anh C, chị L thực hiện

nghĩa vụ đối với mình về hợp đồng bảo lãnh. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí,

Án phí sơ thẩm, do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm, do bác yêu cầu kháng cáo của ông L, bà T nên ông L, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 335 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Đình chỉ xét xử một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về kháng nghị áp dụng mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 của Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện XM.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện XM.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Hữu H, bà Đặng Thị M.

Buộc anh Trình Minh C, chị Lê Thị Mỹ L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trình Minh L, bà Huỳnh Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn ông Đặng Hữu H, bà Đặng Thị M số tiền 332.551.000đ (ba trăm ba mươi hai triệu năm trăm năm mốt ngàn đồng) trong đó 290.000.000đ tiền gốc và 42.551.000đ tiền lãi.

3. Về án phí

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Mỹ L, anh Trình Minh C, ông Trình Minh L, bà Huỳnh Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.627.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 7.250.000đ (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho nguyên đơn ông Đặng Hữu H, bà Đặng Thị M theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007888 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trình Minh L và bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí ông L bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000331 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án huyện XM, ông L bà T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 10 năm 2019).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND huyện XM;
- VKSND tỉnh BR- VT;
- Chi cục THA DS H.Xuyên Mộc

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐẶNG VĂN SỬ